

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 347/2018/DS-PT
Ngày: 28 - 12 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt
Các thẩm phán: Ông Phạm Kim Cúa
Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 268/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 291/2018/QĐPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969

2. Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông D uỷ quyền cho bà P tham gia tố tụng (theo giấy uỷ quyền ngày 29/8/2018).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1970 (chồng bà V).

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà P, bà V, ông H có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Hoàng D trình bày:

Bà và ông D có làm chủ dây hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 10/6/2012 âm lịch, hụi hai tháng khai một lần, gồm 25 phần. Bà V tham gia chơi 01 phần, ngày 10/6/2014 âm lịch bà V hốt hụi và bà giao cho bà V số tiền 43.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà V không đóng hụi chết cho bà, bà phải choàng cho bà V số tiền 36.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà V và ông H phải trả cho bà số tiền đã choàng hụi cho bà V là 36.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ khi hụi mãn ngày 10/5/2016 đến ngày xét xử với số tiền lãi là 0,75%/tháng. Bà khởi kiện yêu cầu ông H cùng trả vì ông H là chồng bà V, khi chơi hụi ông H có biết, có lúc ông H cũng tham gia kêu hụi.

Bà và ông D khởi kiện căn cứ vào Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2016 và biên bản hoà giải ngày 03/8/2016; biên bản hoà giải ngày 04/7/2016 trước đây Toà án Bình Đại đã hoà giải trong vụ án mà bà V khởi kiện bà; trong biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải bà V có thừa nhận đã hốt hụi và bà đã giao tiền hụi cho bà V.

Tại đơn phản tố đề ngày 25/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi 01 dây hụi do bà P làm chủ, hụi khai ngày 10/6/2012 âm lịch gồm 25 phần, bà tham gia chơi 01 phần. Hụi 02 tháng khai một lần, bà đóng được 12 phần thì kêu hốt, với số tiền 45.000.000 đồng trừ ra 1.300.000 đồng tiền hoa hồng chủ hụi, còn lại số tiền 43.700.000 đồng. Sau khi kêu hụi để hốt, bà P chưa có tiền giao cho bà, do bà P bế hụi nên không có giao tiền cho bà mà lấy số tiền đó cản trừ vào số tiền hụi chết của dây hụi này luôn. Từ khi tham gia chơi hụi đến khi hốt hụi của phần hụi này bà P chưa có giao cho bà số tiền nào.

Trước đây bà cũng có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà P làm chủ, nhưng những phần hụi đó bà đã khởi kiện bà P và Toà án đã giải quyết xong.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà P, yêu cầu bà trả số tiền vốn là 36.000.000 đồng và tính lãi từ ngày hụi mãn đến khi xét xử thì bà không đồng ý.

Ngày 25/6/2018 bà V có đơn phản tố yêu cầu bà P, ông D phải trả lại cho bà số tiền 7.700.000 đồng từ đây hội này vì khi hốt hội bà P không giao tiền hội cho bà trừ ra phần tiền hội chết bà đóng lại cho bà P thì còn dư ra 7.700.000 đồng, nên bà yêu cầu bà P và ông D trả cho bà số tiền 7.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà P cho rằng trong biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải bà có thừa nhận có chơi hội và hốt hội thì bà cũng thừa nhận là bà có trình bày tại biên bản hoà giải ngày 03/8/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2016 là bà có tham gia chơi hội ngày 10/6/2012, bà đã hốt hội nhưng bà không có nói là bà P đã giao tiền hội cho bà.

Trước đây bà không có khởi kiện đòi bà P trả tiền với lý do là không có giấy tờ để khởi kiện bà P; còn vụ kiện trước mà bà kiện bà P là các dây hội khác thì bà có giấy tờ và có người làm chứng. Nay bà P khởi kiện bà nên bà mới yêu cầu phản tố lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông không đồng ý, bà P không có giao tiền cho bà V vợ ông nên ông không đồng ý trả. Khi bà V tham gia chơi hội của bà P thì ông có biết và có lúc ông cũng đi kêu hội giùm cho bà V là vợ ông.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Bình Đại đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng D đối với bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn T về việc yêu cầu trả số tiền nợ hội. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P, ông Lê Hoàng D số tiền nợ hội là 42.210.000 (Bốn mươi hai triệu hai trăm mười nghìn) đồng. Trong đó vốn gốc là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng, tiền lãi là 6.210.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị V đối với bà Nguyễn Thị P, ông Lê Hoàng D.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Bình Đại với nội dung: Yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà P, ông D; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là bà V.

Tại phiên toà phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T giữ nguyên kháng cáo; Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà V, ông H, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp tiền hui của bà P, ông D đối với bà V, ông H và không chấp nhận yêu cầu phản tố tranh chấp tiền hui của bà V đối với bà P, ông D theo nội dung quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Bà V, ông H kháng cáo bản án nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bà V, ông H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P cho rằng bà đã giao đủ tiền hui cho bị đơn bà Nguyễn Thị V khi bà V hốt hui, hai bên không có làm giấy tờ gì, nhưng sau khi hốt hui bà V không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho bà nên bà phải choàng hui cho bà V 12 kỳ với số tiền 36.000.000 đồng, dây hui đã mẫn từ ngày 10/5/2016. Bà P yêu cầu bà V cùng chồng là ông H phải trả lại cho bà số tiền hui 36.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 10/10/2016 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,75%/tháng. Phía bị đơn cho rằng ngày 10/6/2014 âm lịch bà có hốt hui với số tiền 43.700.000 đồng, nhưng phía bà P, ông D không có giao tiền hốt hui cho bà nên bà không đồng ý trả số tiền mà bà P, ông D yêu cầu. Đồng thời bà có đơn phản tố yêu cầu bà P, ông D phải trả cho bà số tiền 7.700.000 đồng từ dây hui này vì khi hốt hui bà P, ông D không giao tiền hốt hui cho bà là 43.700.000 đồng, trừ đi số tiền bà phải có trách nhiệm trả sau khi hốt hui

là 36.000.000 đồng thì còn dư ra là 7.700.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà V yêu cầu phía nguyên đơn trả cho bà số tiền 15.470.000 đồng là vượt quá phạm vi yêu cầu phản tố ban đầu nên không được chấp nhận.

[2] Xét thấy: Giao dịch về hợp đồng góp hụi giữa bà P, ông D và bà V tuy không thể hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên đều thống nhất với nhau là có hợp đồng góp hụi. Quá trình khởi kiện, bà P có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành thu thập chứng cứ vì cho rằng trước đây Tòa án nhân dân huyện Bình Đại có thụ lý vụ án dân sự số 246/2016/TLST-DS ngày 23/5/2016 giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V và bị đơn là bà Nguyễn Thị P, trong đó có liên quan đến dây hụi ngày 10/6/2012 âm lịch mà bà P, ông D đang tranh chấp với bà V, cụ thể tại biên bản hoà giải ngày 03/8/2016 và biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2016, biên bản đối chất ngày 26/10/2016 thì bà Nguyễn Thị V thừa nhận trong dây hụi này bà đã hót và đã đóng hụi chết đầy đủ, tại cấp sơ thẩm bà V lại trình bày là có hót hụi nhưng bà P không giao hụi cho bà và bà chưa đóng hụi chết. Mặt khác, bà V trình bày là bà P không giao tiền hót hụi cho bà, đối chiếu với lời trình bày trước đây bà V nói rằng sau khi hót hụi bà đã đóng hụi chết đầy đủ là có mâu thuẫn. Bà V cho rằng bà P không giao tiền hụi cho bà, trong khi bà vẫn đóng hụi chết đầy đủ là điều vô lý. Bà V cũng không chứng minh được có đóng hụi chết đầy đủ cho bà P. Như vậy, bà P và ông D đã thực hiện hết trách nhiệm của người chủ hụi là giao tiền hót hụi cho bà V, nhưng sau khi hót hụi bà V không đóng hụi chết cho chủ hụi là đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên trong hợp đồng góp hụi, do đó bà V phải có trách nhiệm trả lại cho bà P số tiền hụi chết này. Ông H và bà V là vợ chồng, việc bà V chơi hụi ông H thừa nhận là có biết, ông cũng có tham gia kêu hụi và hưởng lợi ích chung từ việc chơi hụi, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà P, ông D yêu cầu vợ chồng bà V, ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà P, ông D số tiền nợ hụi và trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ; đồng thời không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà V đối với bà P, ông D theo quyết định Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, bà V và ông H kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V và ông H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2018/DS-ST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà V và ông H mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2018/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 471, 298, 305 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, họ, biểu, phường;

Căn cứ Điều 91, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P và ông Lê Hoàng D đối với bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn T về việc yêu cầu trả số tiền nợ hui. Buộc bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P, ông Lê Hoàng D số tiền nợ hui là 42.210.000 (Bốn mươi hai triệu hai trăm mười nghìn) đồng. Trong đó vốn gốc là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng, tiền lãi 6.210.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị V đối với bà Nguyễn Thị P, ông Lê Hoàng D đối với số tiền 7.700.000 (Bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị V và ông Trần Văn T phải liên đới chịu 2.495.000 (Hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0017997 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Bà V và ông H còn phải nộp tiếp số tiền là 2.195.000 (hai triệu một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Hoàn trả 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị P theo biên lai số 0006474 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị V phải chịu mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019365 ngày 09/10/2018 và biên lai số 0019369 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Ông H, bà V đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt